

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 11 tháng 3 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch
Bà An Thị Ngọc Lan	Ủy viên (Nghỉ hưu tháng 8/2016)
Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Ủy viên
Ông Nguyễn Phi Thái	Ủy viên (Từ ngày 30/6/2016)

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Hậu	Giám đốc
Bà An Thị Ngọc Lan	Phó Giám đốc (Nghỉ hưu tháng 8/2016)
Ông Nguyễn Phi Thái	Phó Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 30/6/2016)
Bà Phan Thị Thùy Dương	Phó Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 30/6/2016)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Nguyễn Trọng Hậu
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Số: 234/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội được lập ngày 20 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		185.807.550.048	120.596.039.210
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	14.727.608.218	9.786.191.161
1. Tiền	111		14.727.608.218	9.786.191.161
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		900.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		900.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.781.925.635	92.772.913.091
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	152.247.851.443	90.317.754.808
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	3.153.020.705	1.791.717.928
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.381.053.487	663.440.355
IV. Hàng tồn kho	140		12.284.261.041	16.593.437.474
1. Hàng tồn kho	141	5.5	12.284.261.041	16.593.437.474
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.113.755.154	1.443.497.484
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.113.755.154	363.952.911
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.079.544.573
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		77.829.912.191	57.063.401.678
II. Tài sản cố định	220		30.792.621.915	27.821.730.383
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	22.518.746.279	19.033.900.406
- Nguyên giá	222		32.480.724.299	26.217.623.663
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.961.978.020)	(7.183.723.257)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	8.273.875.636	8.787.829.977
- Nguyên giá	228		10.637.756.591	10.637.756.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.363.880.955)	(1.849.926.614)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	3.051.099.273	3.208.622.493
1. Nguyên giá	231		5.274.649.746	5.274.649.746
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.223.550.473)	(2.066.027.253)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	18.926.941.699	12.705.750.229
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		18.926.941.699	12.705.750.229
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	8.788.500.000	4.427.610.782
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.460.000.000	4.460.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.965.537.150	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.637.037.150)	(32.389.218)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.270.749.304	8.899.687.791
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	16.270.749.304	8.899.687.791
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		263.637.462.239	177.659.440.888

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		218.477.421.600	136.611.978.189
I. Nợ ngắn hạn	310		209.829.279.600	125.956.544.189
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	56.391.125.746	31.594.512.816
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		154.212.996	56.305.803
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.082.712.568	1.153.218.931
4. Phải trả người lao động	314		5.302.415.435	4.473.952.739
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	549.231.268	2.190.268.370
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	7.008.186.659	2.927.647.702
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	137.500.000.000	82.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.841.394.928	1.560.637.828
II. Nợ dài hạn	330		8.648.142.000	10.655.434.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	848.000.000	750.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	7.800.142.000	9.904.934.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		45.160.040.639	41.047.462.699
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	45.160.040.639	41.047.462.699
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.000.000.000	21.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.000.000.000	21.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.887.067.102	11.193.428.086
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.272.973.537	8.854.034.613
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.372.368.709	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.900.604.828	8.854.034.613
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		263.637.462.239	177.659.440.888

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Thu Hằng



Phạm Thị Liên Hương



Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS TM		Năm 2016	Năm 2015
	1	2 3	VND	VND
	1	2 3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	1.218.518.468.475	1.322.108.815.100
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.218.518.468.475	1.322.108.815.100
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	1.131.922.922.858	1.250.154.966.362
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		86.595.545.617	71.953.848.738
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	23.807.020	22.738.039
7. Chi phí tài chính	22	5.21	9.238.046.524	3.982.162.804
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.633.398.592	3.949.773.586
8. Chi phí bán hàng	24	5.22	39.929.980.681	36.034.152.280
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	28.383.605.104	19.515.784.142
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		9.067.720.328	12.444.487.551
11. Thu nhập khác	31		2.957.006.967	945.119.083
12. Chi phí khác	32		1.280.729.627	30.312.664
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	1.676.277.340	914.806.419
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		10.743.997.668	13.359.293.970
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	1.843.392.840	2.712.855.011
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		8.900.604.828	10.646.438.959
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.238	5.070

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Giám đốc





Vũ Thu Hằng

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.743.997.668	13.359.293.970
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		3.320.659.400	1.860.070.644
- Các khoản dự phòng	03		1.604.647.932	32.389.218
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(23.807.020)	(22.738.039)
- Chi phí lãi vay	06		7.633.398.592	3.949.773.586
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.278.896.572	19.178.789.379
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(65.088.557.117)	(28.743.462.203)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.309.176.433	(10.273.439.409)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		28.897.324.343	11.777.533.277
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.120.863.756)	(4.207.228.988)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.318.230.324)	(3.949.773.586)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.711.126.988)	(1.760.975.753)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(25.753.380.837)	(17.978.557.283)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.484.292.106)	(17.972.402.303)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(900.000.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.965.537.150)	(2.460.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.807.020	22.738.039
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.326.022.236)	(20.409.664.264)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		469.000.000.000	335.848.453.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(415.604.792.000)	(289.319.066.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.374.387.870)	(3.734.765.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		50.020.820.130	42.794.622.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		4.941.417.057	4.406.400.453
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.786.191.161	5.379.790.708
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	14.727.608.218	9.786.191.161

Năm 2015, Công ty lập lại Lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Người lập



Vũ Thu Hằng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Giám đốc



Nguyễn Trọng Hậu

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐỐT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 11 tháng 3 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 21.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	31/12/2016	Tỷ lệ
		(VND)	sở hữu %
Công ty Xăng dầu Khu vực I	315.000	3.150.000.000	15
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Bình Minh	104.000	1.040.000.000	5
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hồng Bàng	92.700	927.000.000	4
Công ty CP Đầu tư Phát triển Vận tải Đô thị	92.700	927.000.000	4
Ông Nguyễn Trọng Hậu	140.350	1.403.500.000	7
Cổ đông khác	1.355.250	13.552.500.000	65
Tổng	2.100.000	21.000.000.000	100

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm 2016: 206 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
 - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
 - Bán buôn dầu thô;
 - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan:
 - + Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa
 - + Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
 - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)**

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Chi tiết:

- Khách sạn;
- Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự

- Hoạt động của các cơ sở thể thao
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
- Hoạt động thể thao khác
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình

Chi tiết:

- Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.
- Bán buôn thực phẩm
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

Chi tiết:

- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán lẻ phụ tùng các bộ phận phụ trợ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
- Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: kinh doanh xăng dầu nhiên liệu.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có công ty con như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Vận chuyển xăng dầu	89,20%	89,20%
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Kinh doanh ăn uống	100%	100%

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí gia dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

- Phần mềm máy vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	(số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: là công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí sửa chữa được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ là 01 năm và 02 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

- Chi phí lãi vay, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:

- + Quỹ đầu tư phát triển trích 10% lợi nhuận sau thuế.
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 5% lợi nhuận sau thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn xăng dầu, bất động sản cho thuê (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Công ty liên kết của Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh xăng dầu và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	3.069.090.382	1.397.058.444
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.658.517.836	8.389.132.717
Tổng	14.727.608.218	9.786.191.161

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	152.247.851.443	90.317.754.808
Xí nghiệp xe buýt Thăng Long Hà Nội	9.184.854.241	1.915.450.691
- Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội		
Xí nghiệp xe buýt Hà Nội	29.930.300.450	13.038.963.260
- Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội		
Xí nghiệp xe buýt 10-10 Hà Nội	8.662.971.690	5.045.545.100
- Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội		
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	3.570.228.410	7.488.099.500
Công ty Cổ phần Xe Điện Hà Nội	15.381.841.150	7.736.744.160
Phải thu các khách hàng khác	85.517.655.502	55.092.952.097
<u>Trong đó: Phải thu các bên liên quan</u>	8.557.692.807	4.617.103.211
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	4.365.831.027	752.385.901
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	4.191.861.780	3.864.717.310
Tổng	152.247.851.443	90.317.754.808

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.153.020.705	1.791.717.928
Công ty Cổ phần Mỹ Anh	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng 116	-	500.000.000
Công ty CP Đầu tư XD & TM Công Năng	812.911.607	-
Công ty TNHH Nội thất Ngọc Phú	1.100.000.000	45.336.500
Các khoản trả trước cho người bán khác	840.109.098	846.381.428
Tổng	3.153.020.705	1.791.717.928

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.4 Phải thu hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.381.053.487		663.440.355	
Tạm ứng	1.269.350.053	-	632.947.647	-
Phải thu khác	111.703.434	-	30.492.708	-
Tổng	1.381.053.487	-	663.440.355	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	36.166.400	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	1.257.720.243	-	68.734.519	-
Hàng hoá	10.990.374.398	-	16.524.702.955	-
Tổng	12.284.261.041	-	16.593.437.474	-

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.113.755.154	363.952.911
Chi phí trả trước về chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu và chi phí công cụ dụng cụ	1.113.755.154	363.952.911
b) Dài hạn	16.270.749.304	8.899.687.791
Chi phí trả trước về chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu và chi phí công cụ dụng cụ	4.368.485.823	3.469.446.147
Chi phí thuê tại các cửa hàng xăng dầu (Thạch Hòa, Thái Nguyên)	3.484.545.383	4.935.757.576
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	494.484.068
Chi phí thuê, đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu tại Chi nhánh Hải Phòng	8.417.718.098	-
Tổng	17.384.504.458	9.263.640.702

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	15.034.274.575	6.613.546.728	3.347.084.546	1.222.717.814	26.217.623.663
Tăng trong năm	-	2.915.155.500	2.422.053.636	925.891.500	6.263.100.636
Mua trong năm	-	2.915.155.500	2.422.053.636	925.891.500	6.263.100.636
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>15.034.274.575</u>	<u>9.528.702.228</u>	<u>5.769.138.182</u>	<u>2.148.609.314</u>	<u>32.480.724.299</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2016	2.857.169.645	2.635.892.837	1.030.058.380	660.602.395	7.183.723.257
Tăng trong năm	803.056.295	942.503.000	699.685.226	333.010.242	2.778.254.763
Khấu hao trong năm	803.056.295	942.503.000	699.685.226	333.010.242	2.778.254.763
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>3.660.225.940</u>	<u>3.578.395.837</u>	<u>1.729.743.606</u>	<u>993.612.637</u>	<u>9.961.978.020</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	<u>12.177.104.930</u>	<u>3.977.653.891</u>	<u>2.317.026.166</u>	<u>562.115.419</u>	<u>19.033.900.406</u>
Tại 31/12/2016	<u>11.374.048.635</u>	<u>5.950.306.391</u>	<u>4.039.394.576</u>	<u>1.154.996.677</u>	<u>22.518.746.279</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2016 với giá trị là 4.675.423.749 đồng, tại 31/12/2015 là 4.607.420.735 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định mang đi cầm cố ký cược các khoản vay tính đến thời điểm 31/12/2016 với giá trị là 8.333.144.800 đồng.

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2016	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
Tăng trong năm	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>8.975.572.591</u>	<u>1.610.884.000</u>	<u>51.300.000</u>	<u>10.637.756.591</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2016	1.435.914.591	393.492.023	20.520.000	1.849.926.614
Tăng trong năm	179.508.000	324.186.341	10.260.000	513.954.341
Khấu hao trong năm	179.508.000	324.186.341	10.260.000	513.954.341
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>1.615.422.591</u>	<u>717.678.364</u>	<u>30.780.000</u>	<u>2.363.880.955</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2016	<u>7.539.658.000</u>	<u>1.217.391.977</u>	<u>30.780.000</u>	<u>8.787.829.977</u>
Tại 31/12/2016	<u>7.360.150.000</u>	<u>893.205.636</u>	<u>20.520.000</u>	<u>8.273.875.636</u>

5.8 Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Quyền sử dụng đất gồm:

Đất tại số 7 phố Dã Tượng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 112 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 28/01/2008, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Cửa hàng kinh doanh và Văn phòng cho thuê (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội

Đất tại số 1 phố Thi Sách, phường Ngô Thi Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 72,7 m², Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 11/12/2007, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Văn phòng kết hợp dịch vụ (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội

5.9 Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	5.274.649.746	-	-	5.274.649.746
Văn phòng số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	666.654.200	-	-	666.654.200
VP 456 Trần Khát Chân	1.737.952.455	-	-	1.737.952.455
Nhà 6 tầng 1 Thi Sách	2.139.473.836	-	-	2.139.473.836
Các quầy kiốt	419.189.655	-	-	419.189.655
Giá trị hao mòn lũy kế	2.066.027.253	157.523.220	-	2.223.550.473
Văn phòng số 233 Khâm Thiên	300.421.944	10.957.656	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	524.402.649	28.450.296	-	552.852.945
VP 456 Trần Khát Chân	679.381.401	70.571.400	-	749.952.801
Nhà 6 tầng 1 Thi Sách	142.631.604	47.543.868	-	190.175.472
Các quầy kiốt	419.189.655	-	-	419.189.655
Giá trị còn lại	3.208.622.493	-	-	3.051.099.273
Văn phòng số 233 Khâm Thiên	10.957.656	-	-	-
Nhà 63 Tô Hiến Thành	142.251.551	-	-	113.801.255
VP 456 Trần Khát Chân	1.058.571.054	-	-	987.999.654
Nhà 6 tầng 1 Thi Sách	1.996.842.232	-	-	1.949.298.364
Các quầy kiốt	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	18.926.941.699	18.926.941.699	12.705.750.229	12.705.750.229
Dự án Cửa hàng XD Mai Dịch 1	2.156.789.524	2.156.789.524	-	-
Dự án số 1 Đông Tác	280.548.714	280.548.714	280.548.714	280.548.714
Dự án Dã Tượng	9.491.690.582	9.491.690.582	5.394.515.865	5.394.515.865
Dự án 233 Khâm Thiên	646.986.042	646.986.042	646.986.042	646.986.042
Dự án 17 Hồng Mai	478.501.271	478.501.271	478.501.271	478.501.271
Dự án Cửa hàng XD Tam Hiệp	3.872.801.863	3.872.801.863	-	-
Dự án Cửa hàng XD Đồng Tháp	834.843.910	834.843.910	-	-
Dự án trạm dầu Đền Lừ II	187.513.091	187.513.091	-	-
Cửa hàng Trần Khát Chân	-	-	700.000.000	700.000.000
Giá trị 2 cột bơm	420.000.000	420.000.000	-	-
Dự án Cửa hàng XD Mai Dịch 2	557.266.702	557.266.702	-	-
Dự án cây xăng tại Hải Phòng	-	-	4.812.111.924	4.812.111.924
Dự án trạm dầu Đền Lừ I	-	-	393.086.413	393.086.413
Tổng	18.926.941.699	18.926.941.699	12.705.750.229	12.705.750.229

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

5.11 Đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	5.460.000.000	4.460.000.000	(1.000.000.000)	4.460.000.000	4.427.610.782	(32.389.218)
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	4.460.000.000	4.460.000.000	-	4.460.000.000	4.427.610.782	(32.389.218)
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	4.965.537.150	4.328.500.000	(637.037.150)	-	-	-
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	4.965.537.150	4.328.500.000	(637.037.150)	-	-	-
Tổng	10.425.537.150	8.788.500.000	(1.637.037.150)	4.460.000.000	4.427.610.782	(32.389.218)

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Tầng F3 - Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	89,2%	89,2%	Vận chuyển xăng dầu
2	Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Số 7 Dã Tượng, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100,0%	100,0%	Kinh doanh lĩnh vực nhà hàng, quán ăn, lĩnh vực ăn uống

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	56.391.125.746	56.391.125.746	31.594.512.816	31.594.512.816
Công ty xăng dầu KVI	24.990.568.660	24.990.568.660	24.815.550.674	24.815.550.674
- Công ty TNHH 1 thành viên				
Công ty TNHH Hải Linh	19.682.875.569	19.682.875.569	-	-
Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại	1.931.639.600	1.931.639.600	879.951.600	879.951.600
Công ty TNHH LPK	1.072.278.020	1.072.278.020	565.389.660	565.389.660
Phải trả các đối tượng khác	8.713.763.897	8.713.763.897	5.333.620.882	5.333.620.882
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	6.309.908.144	6.309.908.144	1.005.149.206	1.005.149.206
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	6.214.298.144	6.214.298.144	1.005.149.206	1.005.149.206
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	95.610.000	95.610.000	-	-
Tổng	56.391.125.746	56.391.125.746	31.594.512.816	31.594.512.816

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
Thuế giá trị gia tăng	-	3.184.682.180	2.500.922.855	683.759.325
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.090.352.981	1.843.392.840	2.711.126.988	222.618.833
Thuế thu nhập cá nhân	62.865.950	454.112.092	340.643.632	176.334.410
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.016.182.406	3.016.182.406	-
Các loại thuế khác	-	21.500.000	21.500.000	-
Tổng	1.153.218.931	8.519.869.518	8.590.375.881	1.082.712.568

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	549.231.268	2.190.268.370
Chi phí lãi vay	152.498.553	47.010.308
Tiền thuê đất	-	1.802.748.068
Trích trước phí kiểm toán năm 2016	130.000.000	42.750.000
Chi phí phải trả khác	266.732.715	297.759.994
Tổng	549.231.268	2.190.268.370

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	7.008.186.659	2.927.647.702
- Kinh phí công đoàn;	20.435.238	9.560.570
- Bảo hiểm xã hội;	2.777.928	568.884
- Bảo hiểm y tế;	486.917	103.847
- Bảo hiểm thất nghiệp;	234.467	61.525
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	6.984.252.109	2.917.352.876
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>323.840.000</i>	<i>320.460.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Parus (*)</i>	<i>1.645.000.000</i>	<i>1.554.260.274</i>
<i>Công ty Cổ phần Xe Điện Hà Nội (*)</i>	<i>1.595.924.670</i>	<i>844.536.800</i>
<i>Trung tâm Thương mại và Dịch vụ</i>	<i>307.000.000</i>	<i>185.882.192</i>
- <i>Tổng Công ty Vận tải Hà Nội</i>	<i>2.915.900.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng 89</i>	<i>196.587.439</i>	<i>12.213.610</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>848.000.000</i>	<i>750.500.000</i>
b) Dài hạn (chi tiết từng khoản mục)	848.000.000	750.500.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	848.000.000	750.500.000
Tổng	7.856.186.659	3.678.147.702

(*): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 565/HĐHT/TRANSERCO - HFC - PARUS ngày 28/10/2014 giữa: Trung tâm Thương mại và Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội (bên A); Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội (bên B) và Công ty Cổ phần PARUS (bên C), Mục tiêu và phạm vi hợp tác: Các Bên đồng ý cùng nhau hợp tác đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu trên diện tích đất 1.730 m² tại Dự án xây dựng bến đỗ xe kết hợp điểm trung chuyển xe buýt Yên Viên - Gia Lâm để kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm khác theo đăng ký kinh doanh của bên B, Thời hạn Hợp đồng 10 năm, Tổng giá trị hợp đồng: 8.066.000.000 đồng, vốn các bên góp như sau:

Bên A góp bằng phần chi phí phân bổ cho 10 năm mà bên A đã đầu tư cho phần xây dựng cửa hàng được các bên thống nhất có giá trị 1.888.000.000 đồng (chiếm 28%)

Bên B góp 3.439.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 51%

Bên C góp 1.415.000.000 đồng chiếm 21%

Phần còn lại là 1.324.000.000 đồng do bên B chịu trách nhiệm thu xếp và được tính là vay vốn cho Dự án và chi phí lãi vay được trừ vào thu nhập của cửa hàng trước khi phân chia kết quả theo tỷ lệ góp vốn.

Bên B chịu trách nhiệm tổ chức quản lý điều hành kinh doanh cửa hàng; thực hiện hạch toán kết quả kinh doanh của cửa hàng và phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn (Bên A hưởng 28%, Bên B hưởng 51% và bên C hưởng 21%) sau khi trừ đi các chi phí hợp lý, hợp lệ, hoàn trả vốn vay ngân hàng (nếu có) và nghĩa vụ thuế với nhà nước theo quy định (không bao gồm thuế TNDN). Toàn bộ chi phí tiền thuê đất và các chi phí sử dụng đất khác đối với phần diện tích đất của cửa hàng do bên B chi trả và được tính vào chi phí kinh doanh của cửa hàng xăng dầu.

Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả cho bên A và C phần phân chia lợi nhuận cho bên A không thấp hơn 307 triệu đồng/năm và không thấp hơn 230 triệu đồng/năm cho bên C. Hiệu lực của hợp đồng ngay sau các bên ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	137.500.000.000	137.500.000.000	469.000.000.000	413.500.000.000	82.000.000.000	82.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Hoàn Kiếm (1)	79.500.000.000	79.500.000.000	278.500.000.000	269.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (2)	28.000.000.000	28.000.000.000	76.500.000.000	48.500.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	30.000.000.000	30.000.000.000	114.000.000.000	96.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
b) Vay dài hạn	7.800.142.000	7.800.142.000	-	2.104.792.000	9.904.934.000	9.904.934.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (4)	4.300.000.000	4.300.000.000	-	1.200.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (5)	366.800.000	366.800.000	-	104.800.000	471.600.000	471.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (6)	3.133.342.000	3.133.342.000	-	799.992.000	3.933.334.000	3.933.334.000
Tổng	145.300.142.000	145.300.142.000	469.000.000.000	415.604.792.000	91.904.934.000	91.904.934.000

(1) và (6): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng số 67/2015-HDTHM/NHCT122- XDCDHN ngày 20/7/2015, hạn mức 80 tỷ đồng, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng tiền vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu.

(2): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/4818668/HDTHMNH ngày 27/05/2015, hạn mức 10 tỷ đồng, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng tiền vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 7 Dã Tượng.

(3): Khoản vay ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 9697.15.002.1486666.TD, Giá trị hạn mức tín dụng 30.000.000.000 đồng, Thời hạn cấp tín dụng từ ngày ký kết hợp đồng đến hết ngày 31/5/2016, Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu, mở năm 2015- 2016, Thời hạn tối đa khoản tín dụng trong hạn mức ko vượt quá 03 tháng, Lãi suất được xác định trên từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐỐT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.16 Vay ngắn hạn/dài hạn (Tiếp theo)

(4): Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2014 ngày 24/10/2014 có điều khoản cụ thể như sau: Số tiền cam kết cho vay có tổng giá trị không vượt quá 6.700.000.000 đồng; Mục đích vay : Dùng để thanh toán chi phí đầu tư điện tích sản xây dựng Nhà F3 toà 187 Nguyễn Lương Bằng; Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay: tại thời điểm ký hợp đồng là 9,3%/năm và có giá trị tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng, sau đó lãi suất được điều chỉnh 1 tháng 1 lần theo thông báo ngân hàng; Tài sản thế chấp là quyền sở hữu sản văn phòng tại tầng 3 Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014 tháng 10/14 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội. Giá trị tài sản thế chấp được thống nhất 8.400.000.000 đồng.

(5): Khoản vay ngân hàng Quân đội theo Hợp đồng tín dụng về việc cho vay trung, dài hạn số 3883.15.02.1486666.TD ngày 15/4/2015. Số tiền vay: 603 triệu đồng, Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe oto Ford Everest, Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân, Lãi suất thả nổi được quy định tại văn bản nhận nợ, Tài sản đảm bảo đúng bằng tài sản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu**a. Biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	21.000.000.000	8.113.136.259	2.532.626.857	31.645.763.116
Tăng trong năm	-	3.080.291.827	10.646.438.959	13.726.730.786
Phân loại thông tư 200/2014		2.132.615.858	-	2.132.615.858
Lợi nhuận sau thuế	-	-	10.646.438.959	10.646.438.959
Trích lập các quỹ	-	947.675.969	-	947.675.969
Giảm trong năm	-	-	4.325.031.203	4.325.031.203
Trích lập các quỹ	-	-	1.895.351.938	1.895.351.938
Lãi liên doanh liên kết	-	-	2.429.679.265	2.429.679.265
Số dư tại 31/12/2015	21.000.000.000	11.193.428.086	8.854.034.613	41.047.462.699
Số dư tại 01/01/2016	21.000.000.000	11.193.428.086	8.854.034.613	41.047.462.699
Tăng trong năm	-	693.639.016	8.900.604.828	9.594.243.844
Lợi nhuận sau thuế	-	-	8.900.604.828	8.900.604.828
Tăng quỹ	-	693.639.016	-	693.639.016
Giảm trong năm	-	-	5.481.665.904	5.481.665.904
Chia trả cổ tức	-	-	1.260.000.000	1.260.000.000
Lãi liên doanh liên kết	-	-	2.114.387.870	2.114.387.870
Giảm khác	-	-	300.000.000	300.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	1.807.278.034	1.807.278.034
Số dư tại 31/12/2016	21.000.000.000	11.887.067.102	12.272.973.537	45.160.040.639

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Xăng dầu Khu vực I	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Bình Minh	1.040.000.000	1.040.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hồng Bàng	927.000.000	927.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Vận tải Đô thị	927.000.000	927.000.000
Ông Nguyễn Trọng Hậu	1.403.500.000	1.403.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	13.552.500.000	13.552.500.000
Tổng	21.000.000.000	21.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	21.000.000.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	21.000.000.000	21.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.429.679.265	3.374.387.870

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.100.000	2.100.000
Cổ phiếu phổ thông	2.100.000	2.100.000
Cổ phiếu quỹ		
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP</i>		

5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán xăng dầu	1.214.719.286.658	1.318.186.996.919
Doanh thu cho thuê cửa hàng, ki ốt	3.799.181.817	3.921.818.181
Tổng	1.218.518.468.475	1.322.108.815.100

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán xăng dầu	1.130.150.863.241	1.248.117.914.357
Giá vốn cho thuê cửa hàng, ki ốt	1.772.059.617	2.037.052.005
Tổng	1.131.922.922.858	1.250.154.966.362

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	23.807.020	22.738.039
Tổng	23.807.020	22.738.039

5.21 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	7.633.398.592	3.949.773.586
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	1.637.037.150	32.389.218
Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	(32.389.218)	-
Tổng	9.238.046.524	3.982.162.804

5.22 Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	15.347.649.175	12.392.029.849
Chi phí VPP, dụng cụ, đồ dùng	542.280.280	522.856.467
Chi phí khấu hao	2.241.447.646	568.283.771
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.439.538.060	11.370.038.775
Chi phí khác bằng tiền	9.359.065.520	11.180.943.418
Tổng	39.929.980.681	36.034.152.280

CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.005.544.943	8.314.273.173
Chi phí vật liệu quản lý	813.325.663	715.180.712
Chi phí khấu hao	1.329.349.585	954.755.654
Thuế, phí, lệ phí	295.935.939	125.409.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	693.951.198	844.778.010
Chi phí khác bằng tiền	12.245.497.776	8.561.387.513
Tổng	28.383.605.104	19.515.784.142

5.24 Lợi nhuận khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập khác		
Hoàn nhập trích trước chi phí thuê đất	1.802.714.425	-
Thu nhập nhượng lại của hàng Dự Tú	850.000.000	-
Cho công ty con thuê xe ô tô	261.729.400	-
Tiền thuê đất được giảm theo Nghị Quyết Số 02 của Chính Phủ tại Số 366 Bạch Đằng; Số 4 Gầm Cầu; Số 4-5 Hàng Giấy và bảng tính của Cục thuế Hoàn Kiếm	-	893.638.066
Thu nhập khác	42.563.142	51.481.017
Tổng	2.957.006.967	945.119.083
Chi phí khác		
Chi phí phạt vi phạm hành chính, chi phí ủng hộ	277.742.795	-
Chi phí cửa hàng Dự Tú	709.090.920	-
Chi phí khấu hao xe ô tô	248.923.711	30.312.664
Chi phí khác	44.972.201	-
Tổng	1.280.729.627	30.312.664
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1.676.277.340	914.806.419

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	10.743.997.668	13.359.293.970
Điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	587.354.402	141.544.435
Điều chỉnh giảm (lãi liên danh liên kết)	2.114.387.870	1.169.679.266
Thu nhập chịu thuế công ty	9.216.964.200	12.331.159.139
Thuế suất hiện hành	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.843.392.840	2.712.855.011
Tổng	1.843.392.840	2.712.855.011
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.843.392.840	2.712.855.011
tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
Tổng	1.843.392.840	2.712.855.011

5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.355.605.943	1.238.037.179
Chi phí nhân công	28.353.194.118	20.706.303.022
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.449.732.324	1.702.547.424
Chi phí về thuế phí lệ phí	295.935.939	125.409.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.133.489.258	12.214.816.785
Chi phí khác bằng tiền	21.604.563.296	19.742.330.931
Tổng	68.192.520.878	55.729.444.421

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải thu	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Tiền hàng	4.365.831.027	752.385.901
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	Công ty đầu tư	Tiền hàng	4.191.861.780	3.864.717.310
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con	Cho vay	900.000.000	-
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND

Các khoản phải trả	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Tiền bán hàng	6.214.298.144	1.005.149.206
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con	Tiền bán hàng	95.610.000	-

b. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương, thu nhập	1.092.085.504	1.037.702.753
Tổng		1.092.085.504	1.037.702.753

c. Giao dịch với các bên liên quan

Mua hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Tiền vận chuyển xăng dầu	12.369.223.760	9.471.786.570
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Công ty con	Dịch vụ ăn uống	795.754.138	-

Bán hàng	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Công ty con	Xăng, dầu	4.329.496.883	6.031.056.352
		Thuê xe ô tô	261.729.400	-
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	Công ty đầu tư	Xăng, dầu	5.442.245.468	-

6.2 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.727.608.218	9.786.191.161
Phải thu khách hàng và phải thu khác	153.628.904.930	90.981.195.163
Đầu tư dài hạn	8.788.500.000	4.427.610.782
Tổng	178.045.013.148	105.194.997.106
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	137.500.000.000	82.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	63.399.312.405	34.522.160.518
Chi phí phải trả	549.231.268	2.190.268.370
Tổng	201.448.543.673	118.712.428.888

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ ít, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không phát sinh các khoản đầu tư vào công cụ vốn do vậy không chịu rủi ro về giá cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa chủ yếu từ một số nhà cung cấp để phục cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm, luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	137.500.000.000	-	137.500.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	63.399.312.405	-	63.399.312.405
Chi phí phải trả	549.231.268	-	549.231.268
01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	82.000.000.000	-	82.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	34.522.160.518	-	34.522.160.518
Chi phí phải trả	2.190.268.370	-	2.190.268.370

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.727.608.218	-	14.727.608.218
Phải thu khách hàng và phải thu khác	153.628.904.930	-	153.628.904.930
Đầu tư ngắn hạn	900.000.000	-	900.000.000
Đầu tư dài hạn	8.788.500.000	-	8.788.500.000
01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.786.191.161	-	9.786.191.161
Phải thu khách hàng và phải thu khác	90.981.195.163	-	90.981.195.163
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	4.427.610.782	-	4.427.610.782

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU CHẤT ĐÓT HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Thu Hằng

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu

